

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/DS-PT

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

V/v tranh chấp “Chia thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Hưng là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2024/QĐPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Th, sinh năm 1947;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Võ Trần Kh là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2023 (Xin vắng mặt).

Cùng cư trú: số 328, tổ 06, kh CT, thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Thanh Ph là Luật sư của Văn phòng luật sư Quách Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Cảnh Ch, sinh năm 1952 (Có mặt);

Nơi cư trú: Khóm CT, thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

Nơi tạm trú: số 138, đường T Đ Th, tổ 10, khóm Th 3 , thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Dương Trần Bảo Ch, sinh năm 1988, nơi cư trú: số 329, tổ 06, khóm Cái Tắc, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân,

tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: số 184/1, Quốc lộ 1A, khu phố 4, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Á và bà Nguyễn Tuyết Ng là Luật sư của Công ty Luật TNHH Tâm Quang thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Hồng S, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: số 138, đường T Đ Th, tổ 10, kh Th 3, thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Hồng S: Chị Dương Trần Bảo Ch là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024 (Có mặt).

3.2 Người thừa kế của bà Trần Cẩm V, chết năm 2017 gồm:

3.2.1 Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: số 54, tổ 02, ấp LTh 1, xã L Gi, huyện Ch M, tỉnh AG.

3.2.2 Chị Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

3.2.3 Anh Nguyễn Hồng H3, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

3.2.4 Anh Nguyễn Quốc H4, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Số 601, tổ 21, ấp LTh 2, xã L Gi, huyện Ch Mới, tỉnh An Giang.

3.2.5 Chị Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: số 275, tổ 03, ấp Mỹ Hóa 1, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3.3 Chị Võ Trần Kh, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt);

3.4. Cháu Nguyễn Đình Hạo Nh, sinh năm 2015 do chị Võ Trần Kh là người đại diện theo pháp luật.

3.5. Ông Võ Văn Qu, chết ngày 16/12/2023.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Qu:

3.5.1. Bà Trần Ngọc Th, sinh năm 1947;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Ngọc Th: Chị Võ Trần Kh là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2023 (Xin vắng mặt).

3.5.2. Chị Võ Trần Kh, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt);

Cùng cư trú: số 328, tổ 06, khóm CT, thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

3.6. Ông Đặng Đình H6, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

3.7. Bà Dương Thị Bích L, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: số 330, tổ 06, kh C T, thị trấn Ph M, huyện Ph T, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Cảnh Ch là bị đơn và ông Trần Hồng S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Ngọc Th ủy quyền cho chị Võ Trần Kh trình bày:

Ông bà ngoại là cụ Trần Văn T, chết năm 2010 và cụ Võ Thị H, chết năm 2019 chung sống với nhau có 4 người con gồm (1) Bà Trần Cẩm V, chết năm 2017 có chồng là Nguyễn Văn H, chết năm 2023 và 06 người con là chị Nguyễn Thị Cẩm H, anh Nguyễn Đạt H (đã chết không có vợ, con), chị Nguyễn Thị Cẩm H2, chị Nguyễn Thị Thu H5, anh Nguyễn Hồng H3, anh Nguyễn Quốc H4, (2) bà Trần Ngọc Th, (3) bà Trần Cảnh Ch, (4) ông Trần Hồng S.

Trước khi cụ T và cụ H chết có tạo lập được phần đất diện tích 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 cho cụ Trần Văn Tổng và cụ Võ Thị Hai. Trên đất có 02 căn nhà và cây trồng gồm:

- Căn nhà của vợ chồng ông Qu và bà Th xây dựng và chung sống với ông bà ngoại có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 18m, hiện có các thành viên đang sinh sống là bà Trần Ngọc Th, ông Võ Văn Qu (Đã chết ngày 16/12/2023), chị Võ Trần Kh và con là cháu Nguyễn Đình Hạo Nh.

- Căn nhà của bà Trần Cảnh Ch xây dựng vào khoảng năm 2003, có chiều ngang khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 8m đóng cửa nhiều năm, nay đã xuống cấp mục nát không còn sử dụng được.

- 01 bụi cây tầm vông và 01 bụi cây trúc

Cụ T chết không để lại di chúc, cụ H trước khi chết có lập Di chúc ngày 08/3/2017 tại Văn phòng công chứng Lục Văn Tiến, nội dung di chúc khi cụ H chết thì ½ phần đất diện tích 442,5m² chung với cụ Tổng sẽ cho riêng mẹ chị là bà Trần Ngọc Th, còn ½ phần đất diện tích 442,5m² của cụ Tổng sẽ do các hàng thừa kế thỏa thuận hoặc chia theo pháp luật.

Bà Th yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T và cụ H đối với phần đất diện tích 442,5m², trong đó phần của cụ Hai yêu cầu chia theo Di chúc ngày 08/3/2017, phần của cụ Tổng chia theo pháp luật. Bà Th yêu cầu được nhận hiện vật (phần đất có trừ đi khu mộ và lối đi vào khu mộ), vì trên đất có nhà và phần hưởng của bà Th chiếm phần lớn diện tích đất, bà Th sẽ thối lại các kỹ phần cho các đồng thừa kế khác. Mặt khác, trên đất có khu mộ và phần đất lấn chiếm của ông H6 và bà L, nếu được nhận toàn bộ diện tích đất bà đồng ý chừa lại phần đất khu mộ và lối đi vào khu mộ là đất chung của cụ T và cụ H để lại. Phần đất mà ông H6, bà L lấn chiếm sẽ thỏa thuận sau, nếu có tranh chấp sẽ kiện vụ án khác. Riêng căn nhà của bà Cảnh Ch bên chị đồng ý nhận thối lại theo giá hội đồng định giá đã định hoặc bên bà Cảnh Ch tháo dỡ, di dời.

Bị đơn là bà Trần Cảnh Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là

ông Trần Hồng S ủy quyền cho chị Dương Trần Bảo Ch trình bày:

Chị thống nhất ông bà ngoại là cụ Trần Văn Tổng, chết năm 2010 và cụ Võ Thị H, chết năm 2019, hai cụ chung sống có 4 người con như bên bà Th trình bày.

Thống nhất tài sản trước khi 02 cụ chết có tạo lập phần đất diện tích 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 cho cụ ông Trần Văn T và cụ Võ Thị H. Trên đất có 02 căn nhà gồm 01 căn nhà của ông Qu, bà Th xây dựng có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 18m; 01 căn nhà của mẹ chị là bà Trần Cảnh Ch xây dựng vào khoảng năm 2003 có chiều ngang khoảng 3,5m, chiều dài khoảng 8m và 01 bụi cây tầm vông, 01 bụi cây trúc.

Bà Cảnh Ch yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 442,5m², khi phân chia yêu cầu chừa lại phần đất có khu mộ và lối đi vào khu mộ là đất chung của cụ T và cụ H, nền nhà của mẹ chị là bà Trần Cảnh Ch do cụ T và cụ H cho năm 2003 đến nay nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng, đồng thời yêu cầu khi phân chia phần bà Cảnh Ch và ông S yêu cầu nhận hiện vật do phần hưởng của ông S cho lại bà Cảnh Ch.

Chị không đồng ý với nội dung của Tờ di chúc ngày 08/3/2017 do không đúng tâm nguyện của cụ H lúc còn sống, vì lúc còn sống cụ H nói với con cháu là đất chung nên yêu cầu Tòa án không công nhận Tờ di chúc ngày 08/3/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Cẩm H, chị Nguyễn Thị Cẩm H2, chị Nguyễn Thị Thu H5 trình bày:

Các chị là con của bà Trần Cẩm V, chết năm 2017 có 5 anh chị em, thống nhất ông bà ngoại là cụ Trần Văn T, chết năm 2010 và cụ Võ Thị H, chết năm 2019 có 04 người con như bà Th trình bày.

Thống nhất tài sản trước khi 02 cụ chết có tạo lập phần đất diện tích 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 cho cụ T và cụ H, trên diện tích đất có 02 căn nhà gồm: 01 căn nhà của ông Qu, bà Th xây dựng có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 18m và 01 căn nhà của bà Trần Cảnh Ch xây dựng vào khoảng năm 2003, có chiều ngang khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 8m; 01 bụi cây tầm vông và 01 bụi cây trúc.

Các chị yêu cầu nếu các dì, cậu có phân chia thừa kế di sản của ông bà ngoại mà mẹ là bà V được hưởng thì yêu cầu hưởng giá trị và do chị Nguyễn Thị Cẩm H2 đại diện nhận, sau này các anh chị em tự thỏa thuận với nhau.

Anh Nguyễn Hồng H3, anh Nguyễn Quốc H4, ông Nguyễn Đình H6 và bà Dương Thị Bích L vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 623, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 643 Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ Luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về “Chia thừa kế tài sản” của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H.

Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H còn sống gồm bà Trần Ngọc Th, bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S, thừa kế thế vị của bà Trần Cẩm V là chị Nguyễn Thị Cẩm H, chị Nguyễn Thị Cẩm H2, chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Hồng H3 và anh Nguyễn Quốc H4.

Công nhận các tài sản là di sản của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H để lại diện tích đất 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH02670 được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011, 01 bụi vây tầm vông và 01 bụi cây trúc.

Giành khu mồ mả có diện tích đất 23,4m², tại các điểm A, B, C, D và diện tích đất có lối đi chung vào khu mồ mả có diện tích 34,3m², tại các điểm A, M, N, 41, 39 theo Sơ đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 07/8/2024 là khu đất chung của các thừa kế của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H.

Chia thừa kế tài sản theo di chúc của cụ Võ Thị H cho bà Trần Ngọc Th được hưởng ½ diện tích đất 442,5m² (sau khi khấu trừ khu mồ mả và lối đi vào khu mồ mả).

Chia thừa kế tài sản theo pháp luật của cụ Trần Văn T cho bà Trần Cẩm V (do con đại diện nhận), bà Trần Ngọc Th, bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S mỗi người được hưởng bằng nhau giá trị ½ diện tích đất 442,5m² (sau khi khấu trừ khu mồ mả và lối đi vào khu mồ mả) cùng giá trị 01 bụi cây tầm vông và 01 bụi cây trúc.

Giao toàn bộ diện tích đất 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 (trừ khu mồ mả 23,4m² và lối đi vào khu mồ mả 34,3m²) cùng 01 bụi cây trúc và 01 bụi cây tầm vông cho bà Trần Ngọc Th được quyền sử dụng và sở hữu theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 07/8/2024.

Bà Trần Ngọc Th phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai lại diện tích đất nói trên, bà Th phải nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính)

sổ cấp GCN CH02670 được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 do cụ ông Trần Văn T và cụ bà Võ Thị H đứng tên.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất được lập ngày 07/8/2024 là một phần của bản án sơ thẩm)

Bà Trần Ngọc Th phải thối lại kỷ phần của bà Trần Cảnh Ch được hưởng của cụ Tổng 19.410.000 đồng, ông Trần Hồng S hưởng của cụ Tổng 19.410.000 đồng do bà Cảnh Ch nhận, bà Trần Cẩm V hưởng của cụ Tổng 19.410.000 đồng do chị Nguyễn Thị Cẩm H2 đại diện nhận

Bà Trần Ngọc Th được quyền sở hữu căn nhà của bà Trần Cảnh Ch nằm trên diện tích 31,7m² thuộc 01 phần thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12 có kết cấu nền lát gạch tàu, vách gỗ tạp và tol, mái tol, tỷ lệ còn lại 20% (nhà không thể ở được) trị giá 7.043.740 đồng.

Bà Trần Ngọc Th phải trả lại cho bà Trần Cảnh Ch giá trị căn nhà là 7.043.740 đồng.

Về chi phí tố tụng: bà Trần Ngọc Th phải chịu 1.762.500 đồng (bà đã nộp xong), bà Trần Cảnh Ch phải chịu 705.000 đồng (phần hưởng của bà và của ông S), chị H2 phải chịu 352.000 đồng, bà Trần Cảnh Ch phải hoàn trả cho bà Th số tiền này (705.000 đồng) và chị H2 phải hoàn trả cho bà Th chi phí này (352.000 đồng).

Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Trần Ngọc Th và bà Trần Cảnh Ch; chị Nguyễn Thị Cẩm H2 phải chịu 970.500 đồng; Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2024 bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Cảnh Ch và ông S yêu cầu được nhận phần đất diện tích 72,8m² là phần bà Cảnh Ch và ông S được hưởng để bà Cảnh Ch cất nhà ở. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2025, bà Cảnh Ch và ông S ủy quyền cho bà Bảo Ch yêu cầu được nhận phần đất diện tích 122,47m² là phần hưởng của bà Cảnh Ch, ông S, bà V theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 12/3/2025 tại các điểm 41, L, K, A, O, trong đó có lối đi chung vào khu mộ và bà tự nguyện chừa lối đi chung vào khu mộ.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Cảnh Ch, giao cho bà Cảnh Ch được sử dụng phần đất diện tích 122,47m² (Là phần di sản của bà Cảnh Ch, ông S, bà V mỗi người được chia 40,825m²) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 12/3/2025 tại các điểm 41, L, K, O, A và bà Cảnh Ch đồng ý hoàn giá trị cho các thừa kế của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 229/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S kháng cáo (Bà Ch và ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm) trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Bà Trần Ngọc Th ủy quyền cho chị Võ Trần Kh theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2023; bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S ủy quyền cho chị Dương Trần Bảo Ch theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trần Ngọc Th ủy quyền cho chị Võ Trần Kh và chị Võ Trần Kh có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Cẩm H, chị Nguyễn Thị Cẩm H2, anh Nguyễn Hồng H3, anh Nguyễn Quốc H4, chị Nguyễn Thị Thu H5, ông Đặng Đình H6, bà Dương Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về thời hiệu: cụ Trần Văn T, chết năm 2010 và cụ Võ Thị H, chết năm 2019, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 23/3/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Tổng và cụ Hai vẫn còn.

[3] Về hàng thừa kế: Cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H có 4 người con gồm (1) Bà Trần Cẩm V, chết năm 2017 có chồng là ông Nguyễn Văn H, chết năm 2023 và 06 người con là chị Nguyễn Thị Cẩm H, anh Nguyễn Đạt H (đã chết không có vợ, con), chị Nguyễn Thị Cẩm H2, chị Nguyễn Thị Thu H5, anh

Nguyễn Hồng H3, anh Nguyễn Quốc H4; (2) bà Trần Ngọc Th; (3) bà Trần Cảnh Ch; (4) ông Trần Hồng S. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 những người nêu trên là người thừa kế theo pháp luật của cụ Tổng và cụ Hai.

[4] Về tính hợp pháp của di chúc: Cụ Tổng chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ Tổng được phân chia theo pháp luật. Cụ Hai chết có để lại Tờ di chúc ngày 08/3/2017 (Có chứng nhận của Văn phòng công chứng Lục Văn Tiên) và tại thời điểm lập di chúc cụ H có Giấy khám sức khỏe ngày 08/3/2017 của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Tân. Do đó, di chúc của cụ H được lập đúng theo quy định tại Điều 628, Điều 630, Điều 631 của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên di sản thừa kế của cụ H được chia theo di chúc.

[5] Xét kháng cáo của bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Về yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân nhưng bà Ch và ông S không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Xét về nội dung, các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của cụ Tổng và cụ Hai để lại là phần đất diện tích 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại tổ 06, khóm Cái Tắc, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 cho cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2025 thể hiện phần đất diện tích 442,5m² có 02 vị trí gồm: vị trí 01 (Là diện tích của các căn nhà) có diện tích 121,10m² x 588.000 đồng/m² trị giá 71.206.800 đồng và vị trí 02 có diện tích 311,40m² x 352.800 đồng trị giá 109.861.920 đồng; 01 bụi cây tầm vông trị giá 1.680.000 đồng, 01 bụi cây trúc trị giá 420.000 đồng, tổng cộng: 183.168.720 đồng.

Bà Cảnh Ch cho rằng vào năm 2003 cụ T và cụ H cho bà Cảnh Ch phần đất diện tích 31,7m² để cất nhà trên đất đang tranh chấp, nay căn nhà đã mục nát không còn sử dụng được, việc cho đất bà Cảnh Ch không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh. Tuy nhiên, khi cụ T và cụ H kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Cảnh Ch đã ký tên, lặn tay vào Tờ cam kết ngày 02/10/2009, có xác nhận của UBND thị trấn Phú Mỹ với nội dung “Hộ ông (bà) Trần Cảnh Ch có ký tên và lặn tay trong bảng cam kết trước mặt chúng tôi thống nhất theo nội dung trên là thật”. Bà Cảnh Ch và ông S kháng cáo yêu cầu được nhận phần đất diện tích 72,8m² là phần bà Cảnh Ch và ông S được hưởng để bà Cảnh Ch cất nhà ở theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 12/3/2025 tại các điểm D,E,G,H,I. Xét thấy, tại Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 12/3/2025 thì phần đất tranh chấp bà Th đang quản lý sử dụng có diện tích chiều ngang 8,98m. Tại cấp sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận thống nhất để lòi đi chung ra các khu mộ chiều ngang 01m nhưng tại cấp phúc thẩm bà Cảnh Ch

và ông S đề nghị chừa lối đi chung ra khu mộ chiều ngang 0,98m, giao cho bà Cảnh Ch ngang 4m và giao cho bà Th ngang 4m. Tuy nhiên, hiện nay căn nhà của bà Th có chiều ngang 4,70m nên nếu giao đất cho bà Cảnh Ch chiều ngang 4m thì phải tháo dỡ, di dời một phần căn nhà của bà Th, trong đó căn nhà chính có kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, nếu tháo dỡ di dời sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc của căn nhà và gây thiệt hại đến tài sản của bà Th. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 13 của Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định “Trường hợp thửa đất tiếp giáp đường giao thông công cộng hiện có thì chiều dài hoặc chiều ngang của cạnh thửa đất tiếp giáp đường giao thông công cộng hiện có phải bằng hoặc lớn hơn 4m”. Mặt khác, thời gian qua bà Cảnh Ch đã cất căn nhà nơi khác để ở và bà Cảnh Ch thường xuyên sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Cảnh Ch và ông S yêu cầu được tháo dỡ, di dời một phần căn nhà của bà Th để giao cho bà Cảnh Ch sử dụng phần đất diện tích 72,8m² là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cảnh Ch và ông S ủy quyền cho bà Bảo Ch yêu cầu được nhận phần đất diện tích 122,47m² là phần di sản thừa kế của bà Cảnh Ch, ông S và bà V được hưởng theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 12/3/2025 tại các điểm 41, L, K, A, O và bà Cảnh Ch đồng ý hoàn giá trị cho các thừa kế của bà V. Tại Bản án sơ thẩm, các đương sự đều thỏa thuận thống nhất để lối đi chung vào khu mộ có chiều ngang 01m và chiều dài từ đường lộ đến khu mộ có tổng diện tích 34,3m² là tài sản chung của các thừa kế không chia. Nay bà Cảnh Ch yêu cầu được sử dụng lối đi chung vào khu mộ và bà tự nguyện chừa lối đi chung vào khu mộ nhưng cấp phúc thẩm không ghi nhận được ý kiến của các thừa kế khác nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ T và cụ H là phần đất diện tích 442,5m², các đương sự đều thống nhất chừa diện tích 57,8m² (Gồm khu mồ mã diện tích 23,4m² và lối đi chung vào khu mồ mã diện tích 34,3m²) là tài sản chung của các thừa kế không chia. Di sản thừa kế còn diện tích 384,7m² trị giá 164.204.880 đồng (Vị trí 1 có diện tích 121,10m² x 588.000 đồng/m² trị giá 71.206.800 đồng và vị trí 02 có diện tích 263,60m² x 352.800 đồng trị giá 92.998.080 đồng), 01 bụi cây tầm vông trị giá 1.680.000 đồng, 01 bụi cây trúc trị giá 420.000 đồng, tổng cộng: 166.304.880 đồng. Di sản thừa kế của cụ T và cụ H mỗi người ½ trị giá 83.152.440 đồng. Di sản thừa kế của cụ Tổng được chia theo pháp luật và di sản của cụ Hai được chia theo di chúc cho bà Th. Do cụ T chết trước cụ H nên cụ H được hưởng một kỹ phần thừa kế của cụ T, đáng lẽ di sản của cụ T sẽ được chia cho 5 kỹ phần gồm cụ H, bà V, bà Th, bà Ch, ông S. Bản án sơ thẩm chia cho 4 kỹ phần gồm bà V, bà Th, bà Ch và ông S mỗi người một kỹ phần và chưa xem xét đến công sức quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị tài sản là có thiếu sót nhưng các thừa kế khác không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Di sản thừa kế có diện tích 384,7m² (trong đó ông H6 và bà L đang sử dụng phần đất diện tích 93,4m²) nên Bản án sơ thẩm đã giao phần đất diện tích 384,7m² cho bà Th tiếp tục quản lý sử dụng và theo Biên bản định giá tài sản

ngày 09/01/2025 thì bà Th phải có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Cảnh Ch, ông S do bà Cảnh Ch nhận và bà V do chị H nhận mỗi kỹ phần thừa kế có giá trị 20.788.000 đồng (Làm tròn) và bà Th được chia một kỹ phần thừa kế có giá trị 20.788.000 đồng là có căn cứ.

[5.3] Đối với căn nhà của bà Cảnh Ch có kết cấu nền lát gạch tàu, vách gỗ tạp + tole, mái tole theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2025 thì tỷ lệ còn lại 10% trị giá 3.521.870 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Cảnh Ch ủy quyền cho bà Bảo Ch thừa nhận căn nhà cất trên đất tranh chấp đã xuống cấp không còn sử dụng được nên thời gian qua gia đình bà Cảnh Ch đã cất nhà nơi khác để ở và gia đình thường xuyên sinh sống tại Th phố Hồ Chí Minh. Do đó, Bản án sơ thẩm đã giao căn nhà của bà Cảnh Ch cho bà Th và bà Th có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Cảnh Ch số tiền 7.043.740 đồng là có căn cứ.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận toàn bộ nên bà Cảnh Ch phải chịu 6.297.080 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

[7] Về án phí: Bà Th, bà Cảnh Ch là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các ông bà. Chị H2 phải chịu 1.039.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cảnh Ch và ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Cảnh Ch và ông S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về giá trị tài sản theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2025. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 623, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Cảnh Ch và ông Trần Hồng S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 229/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về “Chia thừa kế tài sản” của cụ Trần

Văn Tổng và cụ Võ Thị Hai.

4. Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn T, chết năm 2010 và cụ Võ Thị H, chết năm 2019 gồm: (1) Bà Trần Cẩm V, chết năm 2017 có chồng là ông Nguyễn Văn H, chết năm 2023 và 06 người con là chị Nguyễn Thị Cẩm H, anh Nguyễn Đạt H (đã chết không có vợ, con), chị Nguyễn Thị Cẩm H, chị Nguyễn Thị Thu H5, anh Nguyễn Hồng H3, anh Nguyễn Quốc H4; (2) bà Trần Ngọc Th; (3) bà Trần Cảnh Ch; (4) ông Trần Hồng S.

5. Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Tổng được chia theo pháp luật và di sản thừa kế của cụ Võ Thị Hai được chia theo di chúc.

6. Di sản thừa kế của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H để lại là phần đất diện tích 442,5m², thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp cho cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H ngày 20/10/2011 trị giá 181.068.720 đồng, 01 bụi cây tầm vông trị giá 1.680.000 đồng, 01 bụi cây trúc trị giá 420.000đ, tổng cộng: 183.168.720 đồng.

7. Giành khu mồ mã có diện tích đất 23,4m² tại các điểm A, B, C, D và diện tích đất 34,3m² là lối đi chung vào khu mồ mã tại các điểm A, M, N, 41, 39 theo Sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 07/8/2024 là khu đất sử dụng chung của các thừa kế của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H.

8. Di sản thừa kế của cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H đối với phần đất diện tích 384,70 m² trị giá 164.204.800 đồng, 01 bụi cây tầm vông trị giá 1.680.000 đồng, 01 bụi cây trúc trị giá 420.000đ, tổng cộng: 166.304.880 đồng.

9. Bà Trần Ngọc Th được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 384,70 m² (Đã trừ khu mồ mã và lối đi chung vào khu mồ mã), thửa đất số 225, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tổ 06, khóm Cái Tắc, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02670 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 20/10/2011 cho cụ Trần Văn T và cụ Võ Thị H, 01 bụi cây tầm vông, 01 bụi cây trúc.

10. Bà Trần Ngọc Th phải có nghĩa vụ hoàn giá trị kỹ phần thừa kế cho bà Trần Cảnh Ch số tiền 20.788.000 đồng; ông Trần Hồng S số tiền 20.788.000 đồng do bà Cảnh Ch nhận và bà Trần Cẩm V số tiền 20.788.000 đồng do chị Nguyễn Thị Cẩm H2 đại diện nhận.

11. Bà Trần Ngọc Th được quyền sở hữu căn nhà của bà Trần Cảnh Ch nằm trên phần đất diện tích 31,7m² và bà Trần Ngọc Th phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Cảnh Ch giá trị căn nhà là 7.043.740 đồng.

12. Bà Trần Ngọc Th phải có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh biên động theo quy định của pháp luật.

13. Về chi phí tố tụng:

13.1 Bà Trần Ngọc Th phải chịu 1.762.500 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp;

13.2 Bà Trần Cảnh Ch phải trả cho bà Trần Ngọc Th số tiền 705.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ;

13.3 Chị Nguyễn Thị Cẩm H2 phải trả cho bà Trần Ngọc Th số tiền 352.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ.

13.4 Bà Trần Cảnh Ch phải chịu 6.297.080 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

14. Về án phí: Bà Trần Ngọc Th, bà Trần Cảnh Ch được miễn án phí dân sự sơ thẩm và bà Trần Cảnh Ch, ông Trần Hồng S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị Cẩm H2 phải chịu 1.039.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Phú Tân;
- THA DS huyện Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao `Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà